TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 17- 4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Bùi Hoàng Ân** - Bí thư huyện đoàn huyện Trà Ôn

2/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi** – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Tiếm** – Thư ký Tòa án N dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc Ly** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh ngày 12/8/1998, tại: thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh V, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có vợ, con; Tiền án: 04 Tiền án. Ngày 08/5/2018 bị Tòa án N dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 (Ba) tháng 02 (hai) ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 12/6/2019 bị Tòa án N, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 (sáu) tháng tù ngày về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 23/9/2020 bị Tòa án N xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 28/10/2022 bị Tòa án N, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tiền sự: Không. Về N thân: Ngày 21/10/2022 bị Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000069/QĐ-XPHC, ngày 21/10/2022 số Tiền 1.500.000đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma

túy.

Bị cáo Lê Văn N bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 10/11/2023 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Huỳnh Phương A, sinh ngày 07/6/2008 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố A, phường T, thành phố D thành phố Hồ Chí Minh.

Chổ ở hiện nay: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Huỳnh Phương A: Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1982 (cha ruột) và chị Huỳnh Thị Phương T, sinh năm 1979 (mẹ ruột). (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: khu phố A, phường T, thành phố D thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh Lê Thanh H, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long

2/ Anh Phạm Huỳnh Trọng N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm 1, phường P, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long

Người làm chứng:

1/ Trình Khả H, sinh ngày 11/02/2008 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp cháu H: Anh Trình Văn T, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị M. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2/ Nguyễn Phi H, sinh ngày 20/4/2006 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp cháu H: anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 07/11/2023, bị cáo Lê Văn N ở nhà tại ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long có ý định lấy trộm tài sản của người khác để bán lấy Tiền

Tiêu xài cá N nên điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 64K1-125.34 từ nhà đến địa bàn huyện T, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm, bị cáo N đến bến phà cũ thuộc khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long gặp người bạn tên T, bị cáo nói với T sẽ đi qua bên khu vực chợ T để trộm gà, T đưa cho N một biển số xe mô tô (bị cáo chỉ nhớ mã vùng tỉnh S là 83, các số còn lại N không nhớ). Bị cáo lấy cờ lê loại dùng vặn, mở ốc có sẵn trong cốp xe ra đổi biển số xe mô tô đang sử dụng với biển số T đưa, biển số xe 64K1-125.34 N bỏ vào trong bịch ni long màu đen rồi móc vào cổ xe, N điều khiển xe đến khu vực thị trấn T để tìm gà bắt trộm nhưng không có.

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 07/11/2023 N Tếp tục điều khiển xe trên đường thuộc khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, khi đang chờ đèn đỏ, N nhìn thấy em Nguyễn Huỳnh P, sinh ngày 07/6/2008 điều khiển xe gắn máy biển số 64FA-059.42 đi một mình hướng từ trường Trung học phổ thông T ra, ở túi bên phải ba lô đang đeo trên lưng có để một điện thoại di động nên N nảy sinh ý định giật lấy, khi hết đèn đỏ P rẻ phải đi theo đường Thống Chế Điều Bát về hướng xã M, huyện T thì N chạy xe bám theo phía sau, khi đến đoạn quán cà phê Suối Mơ thuộc khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì N điều khiển xe mô tô vượt lên bên phải xe của em P, nhanh chóng ép sát vào xe P và dùng tay trái giật lấy điện thoại để ở túi ba lô bên phải của em P rồi tăng ga xe bỏ chạy, N nhét điện thoại dưới mông rồi ngồi lên, khi chạy đến ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 54 với đường Thống Chế Điều Bát thuộc ấp B, xã M, bị cáo N điều khiển xe rẽ trái đi về hướng thị xã B đi được một đoạn N lấy điện thoại bỏ túi quần Jean phía trước, bên trái rồi Tếp tục điều khiển xe mô tô về hướng thị xã B, trên đường đi N rẽ vào khu vực vắng, dừng xe và dùng chìa khóa (cờ lê), vặn ốc, tháo biển số xe có mã vùng 83 ra rồi vứt bỏ vào lùm cây rồi lắp biển số 64K1-125.34 vào. N điều khiển đến khu vực cầu chợ Bà thuộc khóm B, phường C, thị xã B ghé vào Tệm mua bán, sữa chữa điện thoại có tên "Khắc Cầm", N lấy điện thoại vừa cướp giật được ra kiểm tra, phía sau điện thoại có cái ốp lưng bằng nhựa, có hình cậu bé bút chì, ở giữa ốp lưng và điện thoại có 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank và một miếng giấy tập viết của học sinh có ghi mật khẩu icloud, N tháo lấy sim điện thoại, ốp lưng và thẻ ATM ngân hàng ra vứt bỏ ngay bên hông cửa Tệm điện thoại, rồi N đưa máy và miếng giấy ghi mật khẩu icloud bán cho anh Phạm Huỳnh Trọng N được số Tiền 1.500.000đồng, sau đó điều khiển xe về nhà. Tiền bán điện thoại có được N mua ma túy của người không rõ họ tên, địa chỉ ở thị xã B sử dụng một mình và Tiêu xài hết. Đến ngày 10/11/2023 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T làm việc với N, N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 10/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị cáo để tạm giam về tội Cướp giật tài sản quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-ĐGTS ngày 21/11/2023 của

Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện T xác định giá trị tài sản: Một điện thoại di dộng nhãn hiệu Apple, loại máy Iphone XR, dung lượng 64GB có giá trị 5.500.000đồng.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- Một điện thoại di dộng nhãn hiệu Apple, loại máy Iphone XR, dung lượng 64GB, màu cam số imei: 353076107440235 đã trả lại cho Nguyễn Huỳnh P.

- Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đỏ -đen, biển số kiểm soát 64K1-125.34, số máy 55P1457697, số khung RLCE55P1OEY457686 qua xác minh của anh Lê Thanh H là anh ruột bị cáo N, khi cho mượn xe anh H không biết N sử dụng cướp giật tài sản nên đã trả lại cho anh H.

- Một áo sơ mi dài, sọc xanh-trắng-đỏ phía sau có hình hoa văn như hai cánh chim; Hai chiếc dép nhựa màu đen, quai ngang màu trắng, bên quai dép có chữ G màu đen; một nón bảo hiểm màu trắng- bạc, loại nữa đầu, có mỏ phía trước màu đen; Một quần Jean màu xanh, loại dài tới đầu gối; Một cây cờ lê (chìa khóa vặn ốc) cỡ 10.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Huỳnh P đã nhận lại điện thoại nhãn hiệu Apple, loại máy Iphone XR, dung lượng 64GB, màu cam số imei: 353076107440235; Nguyễn Huỳnh P, anh Nguyễn Ngọc Cường và chị Huỳnh Thị Phương Thảo là đại diện hợp pháp của Nguyễn Huỳnh P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Anh Phạm Huỳnh Trọng N giao nộp điện thoại nhãn hiệu Apple, loại máy Iphone XR, dung lượng 64GB, màu cam số imei: 353076107440235 anh N yêu cầu bị cáo trả lại số Tiền 1.500.000đồng.

- Anh Lê Thanh H đã nhận lại xe mô tô biển số kiểm soát 64K1-125.34, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSTÔ ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát N dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm d và điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn N thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát N dân huyện T truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan, bị cáo khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 50 phút ngày 07/11/2023 bị cáo Lê Văn N điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 64K1-125.34 tìm bắt trộm gà thì thấy Nguyễn Huỳnh P điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 64FA-059.42 đi một mình có ba lô đang đeo trên lưng, bên phải túi có để một điện thoại di dộng nên N nảy sinh ý định giật lấy, N chạy xe bám phía sau xe của em P khi đến đoạn đường cà phê Suối Mơ thuộc khu 4, thị trấn T thì N điều khiển xe mô tô vượt bên phải xe của em P, nhanh chóng ép sát vào xe P và dùng ta trái giật lấy điện thoại để ở túi ba lô bên phải của em P rồi tăng ga tẩu thoát. Theo kết quả định giá tài sản điện thoại của em P có giá

trị 5.500.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện T trình bày luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Lê Văn N theo tội danh và Điều luật đã nêu trong Cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

Áp dụng điểm d và điểm g khoản 2 Điều 171; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự

Bị hại Nguyễn Huỳnh P, đại diện bị hại không yêu cầu gì nên miễn xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh H đã nhận lại xe không yêu cầu gì nên miễn xét.

Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh N số Tiền 1.500.000đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo: Một áo sơ mi dài, sọc xanh-trắng-đỏ phía sau có hình hoa văn như hai cánh chim; Hai chiếc dép nhựa màu đen, quai ngang màu trắng, bên quai dép có chữ G màu đen; một nón bảo hiểm màu trắng- bạc, loại nữa đầu, có mỏ phía trước màu đen; Một quần Jean màu xanh, loại dài tới đầu gối;

- Trả lại anh H: Một cây cờ lê (chìa khóa vặn ốc) cỡ 10.

Vật chứng vụ án hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang quản lý.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Văn N nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 07/11/2023 N điều khiển xe trên đường thuộc khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, khi đang chờ đèn đỏ, N nhìn thấy em Nguyễn Huỳnh P điều khiển xe gắn máy biển số 64FA-059.42 đi một mình hướng từ trường Trung học phổ thông T ra, ở túi bên phải ba lô đang đeo trên lưng có để một điện thoại di động nên N nảy sinh ý định giật lấy, khi hết đèn đỏ P rẻ phải đi theo đường Thống Chế Điều Bát về hướng xã M, huyện T thì N chạy xe bám theo phía sau, khi đến đoạn quán cà phê Suối Mơ thuộc khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì N điều khiển me mô tô vượt lên bên phải xe của em P, nhanh chóng ép sát vào xe P và dùng tay trái giật lấy điện thoại để ở túi ba lô bên phải của em P rồi tăng ga xe bỏ chạy. Theo kết luận định giá tài sản điện thoại di dộng nhãn hiệu Apple, loại máy Iphone XR, dung lượng 64GB có giá trị 5.500.000đồng. Như vậy, Viện kiểm sát N dân huyện T đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong cáo trạng số 15/CT-VKSTÔ ngày 01/02/2024, cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu, quyền quản lý và quyền sử dụng tài sản của người khác trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra của cải vật chất làm giàu cho bản thân nhưng bị cáo không làm, mà vì hám lợi lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Động cơ phạm tội của bị cáo là nhằm mục đích thu lợi bất chính từ việc cướp giật tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường phố nơi đông người và dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe gắn máy phân khối lớn, là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương Tện phạm tội, Tềm ẩn nguy cơ dễ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và những người đang lưu thông trên đường, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với bị hại chưa đủ 16 tuổi gây hoang mang cho quần chúng N dân, hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại điểm d và điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Xét về tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng chỉ vì muốn

có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, Tếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình Tiết tăng nặng: Bị cáo có Tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, lần phạm tội này của bị cáo được xác định là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình Tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn N thành khẩn khai báo rõ ràng, ăn năn hối cải, biết được việc làm của bị cáo là vi phạm, bị cáo có trình độ học vấn thấp. Do vậy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần.

[6] Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Đối với người tên T đã cho bị cáo biển số xe mô tô tỉnh S và bịch ni long màu đen, Cơ quan Cảnh sát Điều tra phối hợp Công an thị trấn T kiểm tra, xác minh, tuy nhiên không xác định được người tên T, đặc điểm N thân nên không làm việc được.

[8] Đối với anh Lê Thanh H cho bị cáo mượn xe mô tô, anh H không biết N sử dụng xe cướp giật tài sản; Anh Phạm Huỳnh Trọng N mua điện thoại di động do bị cáo bán không biết điện thoại do bị cáo cướp giật được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý anh H và anh N là có cơ sở.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Một điện thoại di dộng nhãn hiệu Apple, loại máy Iphone XR, dung lượng 64GB, màu cam số imei: 353076107440235 đã trả lại cho Nguyễn Huỳnh P. (Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 10/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T).

- Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đỏ -đen, biển số kiểm soát 64K1-125.34, số máy 55P1457697, số khung RLCE55P1OEY457686 qua xác minh của anh Lê Thanh H là anh ruột bị cáo N, khi cho mượn xe anh H không biết N sử dụng cướp giật tài sản nên đã trả lại cho anh H. (Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 11/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T).

Đối với Một áo sơ mi dài, sọc xanh-trắng-đỏ phía sau có hình hoa văn như hai cánh chim (đã qua sử dụng); Hai chiếc dép nhựa màu đen, quai ngang màu trắng, bên quai dép có chữ G màu đen (đã qua sử dụng); một nón bảo hiểm

màu trắng- bạc, loại nữa đầu, có mỏ phía trước màu đen (đã qua sử dụng); Một quần Jean màu xanh, loại dài tới đầu gối (đã qua sử dụng); Một cây cờ lê (chìa khóa vặn ốc) cỡ 10 (đã qua sử dụng). Các vật chứng trên của bị cáo không liên quan đến phạm tội trả lại cho bị cáo nhưng xét thấy bị cáo cho rằng không còn giá trị sử dụng, không yêu cầu nhận lại nên tịch thu Tiêu hủy theo quy định.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

[10] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự

- Bị hại Nguyễn Huỳnh P, đại diện bị hại anh Nguyễn Ngọc Cường và chị Huỳnh Thị Phương Thảo không có yêu cầu gì nên miễn xét.

- Anh Phạm Huỳnh Trọng N giao nộp điện thoại do bị cáo bán cho anh N nên yêu cầu bị cáo trả lại số Tiền 1.500.000đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

- Anh H đã nhận lại Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đỏ - đen, biển số kiểm soát 64K1-125.34, số máy 55P1457697, số khung RLCE55P1OEY457686 Anh Lê Thanh H không có yêu cầu nên miễn xét

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Văn N nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d và điểm g khoản 2 Điều 171; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 23 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/11/2023.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Văn N.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu Tiêu hủy: Một áo sơ mi dài, sọc xanh - trắng - đỏ phía sau có hình hoa văn như hai cánh chim; Hai chiếc dép nhựa màu đen, quai ngang màu trắng, bên quai dép có chữ G màu đen; một nón bảo hiểm màu trắng- bạc, loại nữa đầu, có mỏ phía trước màu đen; Một quần Jean màu xanh, loại dài tới đầu gối; Một cây cờ lê (chìa khóa vặn ốc) cỡ 10.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/02/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. Buộc bị cáo Lê Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Huỳnh Trọng N số Tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả xong số Tiền trên thì phải trả thêm lãi của số Tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Lê Văn N nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban N dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Sở tư pháp: 01;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- VKSND huyện T: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- CA huyện T: 02;
- THA huyện T: 01;
- Bị cáo: 01;
- Bị hại: 01;
- Người liên quan: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01

Thạch Thị Tuyền